

## Chủ đề 8 PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA

### Bài 37 PHÉP NHÂN (2 tiết)

#### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

##### *Kiến thức, kỹ năng*

- Nhận biết được khái niệm ban đầu về phép nhân; đọc, viết phép nhân.
- Viết được phép cộng các số hạng bằng nhau thành phép nhân và ngược lại.
- Tính được phép nhân đơn giản dựa vào tổng các số hạng bằng nhau.

##### *Phát triển năng lực*

Qua hoạt động khám phá, hình thành phép nhân, vận dụng vào giải một số bài toán thực tế liên quan đến phép nhân, HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.

#### II CHUẨN BỊ

Bộ đồ dùng học Toán 2.

#### III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

*Lưu ý chung:* Ở mỗi tiết học của bài học, GV nên tổ chức dạy học theo các bước:

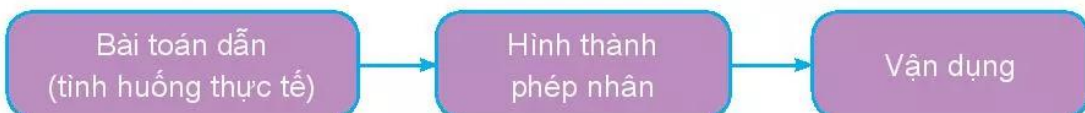
Khởi động → Thực hiện hình thức dạy học phù hợp → Củng cố

#### Tiết 1. Phép nhân

*Yêu cầu chủ yếu của tiết học:* Giúp HS nắm được khái niệm ban đầu về phép nhân (hình thành phép nhân từ tổng các số hạng bằng nhau); cách đọc, viết phép nhân; cách tính phép nhân đơn giản dựa vào tổng các số hạng bằng nhau; vận dụng vào giải một số bài toán có liên quan đến phép nhân.

#### 1. Khám phá

- Cách tiếp cận:



a) GV cho HS nêu bài toán: “Mỗi đĩa có 2 quả cam. Hỏi 3 đĩa như vậy có tất cả mấy quả cam?”, dẫn ra phép cộng: “ $2 + 2 + 2 = 6$ ”, trả lời: “Mỗi đĩa có 2 quả cam. 3 đĩa như vậy có tất cả 6 quả cam.”. Từ đó, GV nêu (như là quy định) phép cộng  $2 + 2 + 2 = 6$  có thể chuyển thành phép nhân “ $2 \times 3 = 6$ ”, đọc là “hai nhân ba bằng sáu”, dấu “ $\times$ ” là dấu nhân.

Cũng có thể hiểu  $2 \times 3$  là “2 được lấy 3 lần”.

b) GV có thể giúp HS giải quyết tương tự như bài toán ở mục a.

Chuyển phép cộng  $3 + 3 = 6$  thành phép nhân  $3 \times 2 = 6$ , đọc là “ba nhân hai bằng sáu”.

c) Sau hai mục a và b, GV cho HS nhận xét  $2 \times 3 = 2 + 2 + 2$ ;  $3 \times 2 = 3 + 3$ .

Tùy điều kiện, GV có thể cho HS nhận xét  $2 \times 3 = 3 \times 2$ .

*Lưu ý:* Sau phần khám phá, GV nên cho HS củng cố cách “chuyển” phép cộng các số hạng bằng nhau thành phép nhân và ngược lại, chẳng hạn:  $3 + 3 + 3 + 3 = 12 \rightarrow 3 \times 4 = 12$ ;  $4 \times 3 = 12 \rightarrow 4 + 4 + 4 = 12$ .

Từ đó có thể nêu cách tính phép nhân dựa vào tổng các số hạng bằng nhau, chẳng hạn để tính  $8 \times 2 = ?$ , ta làm như sau:

Ta có:  $8 \times 2 = 8 + 8 = 16$ . Vậy  $8 \times 2 = 16$ .

## 2. Hoạt động

*Bài 1:*

– Câu a: Yêu cầu từ phép cộng các số hạng bằng nhau (HS tính được kết quả), HS chuyển sang phép nhân tương ứng và tính được kết quả của phép nhân đó.  
Chẳng hạn:

$$2 + 2 + 2 + 2 + 2 = 10 \rightarrow 2 \times 5 = 10;$$

$$5 + 5 = 10 \rightarrow 5 \times 2 = 10.$$

– Câu b: Yêu cầu HS tính được phép nhân dựa vào phép cộng các số hạng bằng nhau.  
Chẳng hạn:

$$3 \times 5 = 3 + 3 + 3 + 3 + 3 = 15 \rightarrow 3 \times 5 = 15;$$

$$5 \times 3 = 5 + 5 + 5 = 15 \rightarrow 5 \times 3 = 15.$$

– GV có thể cho HS nhận xét:  $3 \times 5 = 5 \times 3$ .

*Bài 2:* Yêu cầu HS quan sát hình vẽ, nhận ra số cá ở tất cả các bể của mỗi nhóm (tổng số các số hạng bằng nhau, với số cá ở mỗi bể là một số hạng) tương ứng với phép nhân nào ghi ở các con mèo.

Chẳng hạn:

$$4 + 4 + 4 + 4 + 4 = 20 \text{ tương ứng với phép nhân } 4 \times 5 = 20;$$

$$4 + 4 + 4 = 12 \text{ tương ứng với phép nhân } 4 \times 3 = 12;$$

$$5 + 5 = 10 \text{ tương ứng với phép nhân } 5 \times 2 = 10;$$

$$2 + 2 + 2 + 2 = 8 \text{ tương ứng với phép nhân } 2 \times 4 = 8.$$

*Lưu ý:* Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

## Tiết 2. Luyện tập

*Yêu cầu chủ yếu của tiết học:* Củng cố khái niệm ban đầu về phép nhân; chuyển phép nhân thành phép cộng các số hạng bằng nhau và ngược lại, dựa vào đó tính được các phép nhân đơn giản; vận dụng vào giải bài toán thực tế.

*Bài 1:*

- Câu a: Yêu cầu HS chuyển phép cộng các số hạng bằng nhau thành phép nhân.

$$2 + 2 + 2 + 2 + 2 = 10 \rightarrow 2 \times 5 = 10.$$

- Câu b: Yêu cầu HS chuyển phép nhân thành phép cộng các số hạng bằng nhau.

$$5 \times 7 = 35 \rightarrow 5 + 5 + 5 + 5 + 5 + 5 + 5 = 35.$$

- GV có thể cho HS làm các ví dụ khác tương tự.

*Bài 2:* Yêu cầu HS quan sát tranh, nêu bài toán (phù hợp với câu hỏi ở mỗi tranh), rồi tìm phép nhân thích hợp với mỗi bài toán đó. Chẳng hạn: Với tranh có 6 bàn học, có thể nêu thành bài toán: “Có 6 bàn học, mỗi bàn có 2 cái ghế. Hỏi có tất cả bao nhiêu cái ghế?”, HS nêu được phép nhân tương ứng là  $2 \times 6 = 12$ . Tương tự với các tranh và câu hỏi còn lại. HS nêu được phép nhân ứng với tranh tìm số bút chì màu là  $6 \times 3 = 18$ , ứng với tranh tìm số tai thỏ là  $2 \times 5 = 10$ , ứng với tranh tìm số cánh quạt là  $4 \times 4 = 16$ .

Tùy điều kiện, dựa vào đồ dùng học tập hoặc thực tế ở lớp học, GV có thể nêu các bài toán tương tự cho HS thực hiện tại lớp (có thể chỉ nêu phép tính nhân mà chưa cần tìm ra kết quả, chẳng hạn: “Mỗi bàn có 2 bạn. Hỏi 8 bàn như vậy có bao nhiêu bạn?” tương ứng với phép nhân  $2 \times 8 = ?$ ).

*Bài 3:* Yêu cầu HS tính được phép nhân đơn giản dựa vào tổng các số hạng bằng nhau (theo cách làm mẫu cho câu a). Chẳng hạn: b)  $8 \times 2 = 8 + 8 = 16$ . Vậy  $8 \times 2 = 16$ . Tương tự tính được câu c ( $3 \times 6 = 18$ ) và câu d ( $4 \times 3 = 12$ ).

Tùy điều kiện, GV có thể nêu thêm các ví dụ tương tự để HS làm.

*Lưu ý:* Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).